

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ LAO DUNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/HSST.

Ngày: 11 - 4 - 2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Mỹ Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Phụng.

Ông Dương Hồng Hải.

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tuấn Hảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lâm Kiều Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 32/2017/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXXST-HS, ngày 21 tháng 02 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Huỳnh Văn H (Tên gọi khác: Tám H, Tám D), sinh năm: 1963 tại huyện T, tỉnh T. Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh T; nghề nghiệp: mua bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn D (sống) và bà Trương Thị M (chết); có vợ và 05 người con; tiền án: không; tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26 tháng 10 năm 2017 cho đến nay “Có mặt”.

2. Lâm Văn T, sinh năm: 1968 tại huyện C, tỉnh S. Nơi cư trú: ấp N, xã A, huyện C, tỉnh S; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Văn N (chết) và bà Cô Thị Q (sống); có vợ và có 02 người con; tiền án: không; tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26 tháng 10 năm 2017 cho đến nay “Có mặt”.

3. Trần Văn H (Tên gọi khác: C), sinh năm: 1985 tại huyện C, tỉnh S. Nơi cư trú: ấp N, xã A, huyện C, tỉnh S; nghề nghiệp: làm rẫy; trình độ văn hóa: 9/12;

dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn D (sống) và bà Võ Thị P (sống); vợ và con: không có; tiền án: không; tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26 tháng 10 năm 2017 cho đến nay “Có mặt”.

4. Đặng Văn L, sinh năm: 1980 tại huyện C, tỉnh S. Nơi cư trú: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh S; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn P (sống) và bà Trần Thị T (chết); có vợ và 04 người con; tiền án: không; tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26 tháng 10 năm 2017 cho đến nay “Có mặt”.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng:

+ Trần Văn M, sinh năm: 1988; Cư trú tại: Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh S “Vắng mặt”.

+ Trần Văn P, sinh năm: 1969; Cư trú tại: Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh S “Có mặt”.

+ Bùi Văn Ú, sinh năm: 1970; Cư trú tại: Ấp Đ, xã A, huyện C, tỉnh S “Có mặt”.

+ Bùi Thị Ú, sinh năm: 1966; Cư trú tại: Ấp Đ, xã A, huyện C, tỉnh S “Có mặt”.

+ Huỳnh Văn H, sinh năm: 1973; Cư trú tại: Ấp Đ, xã A, huyện C, tỉnh S “Có mặt”.

+ Phan Thị C, sinh năm: 1959; Cư trú tại: Ấp L, xã A, huyện C, tỉnh S “Vắng mặt”.

+ Phan Thanh N, sinh năm: 1984; Cư trú tại: Ấp Ô, xã P, huyện T, tỉnh T “Vắng mặt”.

+ Huỳnh Minh T, sinh năm: 1987; Cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh T “Vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ 30 phút ngày 21 tháng 9 năm 2017, Huỳnh Văn H (Tám H, Tám D) đến nhà của bà Bùi Thị Ú để trả tiền mua dừa mà H đã mua trước đó, khi H trả tiền xong thì ngồi lại uống rượu cùng với ông Bùi Văn Ú là em trai của bà Bùi Thị Ú. Lúc này, H điện thoại cho Trần Văn H (C) và Đặng Văn L đến nhà bà Ú để lấy tiền công bẻ dừa. Đến khoảng 19 giờ 40 phút, Đặng Văn L đến nhà bà Ú gặp H để nhận tiền. Khi nhận tiền xong thì H lấy bộ bài tây

đề trên tủ đựng ti vi rủ L đánh bạc (đánh bài) tiền lên vui chơi. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, Trần Văn P chạy xe chở Trần Văn H (C) đến nhà bà Ú và khoảng 05 phút sau thì Lâm Văn T và bà Phan Thị C cũng đến nhà bà Ú. Lúc này, H rủ T, H (C) và L đánh bạc (đánh bài) tiền lên ăn tiền và tất cả thống nhất và thỏa thuận với nhau là khi đánh bài người nào về nhất thắng 40.000 đồng, về nhì thắng 20.000 đồng và nếu ai tới trắng thì để riêng cho bà Ú 10.000 đồng và khi nghỉ đánh bạc (đánh bài) thì ai thắng được nhiều tiền nhất thì người đó phải cho bà Ú thêm 100.000 đồng. Khi đánh bạc (đánh bài) tiền lên được khoảng 30 phút thì H không đồng ý đánh bạc (đánh bài) tiền lên và chuyển sang đánh bạc (đánh bài) binh xập xám, mỗi tụ ăn hoặc thua 200.000 đồng, nếu ăn 03 tụ thì thắng 600.000 đồng. Bốn người đánh bạc (đánh bài) đều có để tiền xuống chiếu bạc. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, trong lúc đang đánh bạc (đánh bài) thì Công an xã A tiến hành kiểm tra, bắt quả tang thu giữ tiền trên chiếu bạc số tiền là 8.650.000 đồng và 15 bộ bài tây.

Đối với Huỳnh Văn H (Tám H, Tám D) khi tham gia đánh bạc, H để xuống chiếu bạc 600.000 đồng phục vụ cho việc đánh bạc, khi bị bắt quả tang, H thua hết 200.000 đồng, còn lại 400.000 đồng trên chiếu bạc.

Đối với Lâm Văn T khi tham gia đánh bạc, T đem theo 2.000.000 đồng và dùng toàn bộ số tiền này đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, T ăn được 600.000 đồng, tổng số tiền mà T để trên chiếu bạc là 2.600.000 đồng.

Đối với Trần Văn H (C) khi tham gia đánh bạc, H mang theo trên người 3.000.000 đồng và H dùng toàn bộ số tiền này để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, H ăn được khoảng 900.000 đồng. Khi lực lượng Công an đến bắt quả tang thì H bỏ chạy, tổng số tiền mà H bỏ lại tại chiếu bạc là 3.800.000 đồng, số tiền còn lại khi H (C) bỏ chạy H (C) mang theo trong người.

Đối với Đặng Văn L khi đến nhà bà Ú mang theo 261.000 đồng và ông H trả tiền công làm thuê 1.200.000 đồng, tổng cộng trên người L có lúc này là 1.461.000 đồng. Khi đánh bạc (đánh bài) L dùng số tiền 1.400.000 đồng để đánh bạc và thua hết 1.400.000 đồng.

Xét thấy hành vi của Huỳnh Văn H (Tám H, Tám D), Lâm Văn T, Trần Văn H (C) và Đặng Văn L có đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cù Lao Dung đã khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Huỳnh Văn H (Tám H, Tám D), Lâm Văn T, Trần Văn H (C) và Đặng Văn L về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo H, T, H (C) và L từ ngày 26 tháng 10 năm 2017 để chờ xét xử.

Vật chứng trong vụ án: Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cù Lao Dung quyết định thu giữ tiền tang vật thu trên chiếu bạc là 8.650.000 đồng (*Tám triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng*) và 15 (*Mười lăm*) bộ bài tây, trong đó có 03 (*Ba*) bộ đã qua sử dụng và 12 (*Mười hai*) bộ chưa sử dụng; 01 (*Một*) hộp kim loại hình tròn có dòng chữ “Danisa”. Thu giữ số tiền tiền dùng để đánh bạc còn lại trên người của Trần Văn H (C) là 110.000 đồng (*Một trăm mười ngàn đồng*), thu tiền của Huỳnh Văn H là 100.000 đồng (*Một trăm ngàn đồng*), Đặng Văn L là 61.000 đồng (*Sáu mươi một ngàn đồng*).

Tại bản cáo trạng số: 30/QĐ-KSĐT, ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng để xét xử đối với Huỳnh Văn H (Tám H, Tám D), Lâm Văn T, Trần Văn H (C) và Đặng Văn L về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 của Bộ luật hình sự năm 1999 (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố Nhà nước đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cáo trạng số: 30/QĐ-KSĐT, ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 248 của Bộ luật hình sự năm 1999 (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) tuyên bố các bị cáo Huỳnh Văn H (Tám H, Tám D), Lâm Văn T, Trần Văn H (C) và Đặng Văn L phạm tội “Đánh bạc”.

Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết sau đây để xét xử đối với các bị cáo:

+ Đối với bị cáo Huỳnh Văn H (Tám H, Tám D) là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác cùng tham gia đánh bạc. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ như sau: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bản thân bị cáo trước đây được Nhà nước tặng huy hiệu 30 năm tuổi Đảng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 248; Điều 20; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53; Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999 (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) tuyên phạt bị cáo Huỳnh Văn H (Tám H, Tám D) từ 06 (*Sáu*) đến 09 (*Chín*) tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (*Mười hai*) đến 18 (*Mười tám*) tháng kể từ ngày tuyên án và áp dụng khoản 3 Điều 248 của Bộ luật hình sự năm 1999 (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) đề nghị Hội đồng xét xử phạt bổ sung bị cáo với số tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

+ Đối với bị cáo Trần Văn H (C) bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ như sau: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo trình bày là khi bị cáo đến nhà chị Ú để đánh bạc, lúc đầu khi đánh bạc (đánh bài) tiến lên thì bị cáo có để xuống chiếu

bạc số tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng, nhưng khi các bị cáo chuyên sang đánh bạc (đánh bài) bình xập xám thì bị cáo không để tiền xuống chiếu bạc mà bị cáo để toàn bộ tiền trong túi áo, khi bị cáo thắng thì bị cáo lấy tiền bỏ vào túi áo, thua thì bị cáo lấy tiền trong túi áo ra chung chi, như vậy cho thấy bị cáo đã dùng toàn bộ số tiền 3.000.000 đồng mà bị cáo mang theo là dùng vào việc đánh bạc. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 248; Điều 20; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53; Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999 (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) tuyên phạt bị cáo Trần Văn H (C) từ 03 (Ba) đến 06 (Sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án và áp dụng khoản 3 Điều 248 của Bộ luật hình sự năm 1999 (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) đề nghị Hội đồng xét xử phạt bổ sung bị cáo với số tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

+ Đối với bị cáo Lâm Văn T bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ như sau: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 248; Điều 20; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53; Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999 (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) tuyên phạt bị cáo Lâm Văn T từ 03 (Ba) đến 06 (Sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án và áp dụng khoản 3 Điều 248 của Bộ luật hình sự năm 1999 (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) đề nghị Hội đồng xét xử phạt bổ sung bị cáo với số tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

+ Đối với bị cáo Đặng Văn L bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ như sau: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 248; Điều 20; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53; Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999 (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) tuyên phạt bị cáo Đặng Văn L từ 03 (Ba) đến 06 (Sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án và áp dụng khoản 3 Điều 248 của Bộ luật hình sự năm 1999 (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) đề nghị Hội đồng xét xử phạt bổ sung bị cáo với số tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng: Vật chứng của vụ án là số tiền thu trên chiếu bạc 8.650.000 đồng; 15 (Mười lăm) bộ bài tây, trong đó có 03 (Ba) bộ đã qua sử dụng, 12 (Mười hai) bộ chưa sử dụng; 01 (Một) hộp kim loại hình tròn có dòng chữ “Danisa”. Thu tiền dùng để đánh bạc (đánh bài) còn lại trên người của Trần Văn H (C) là 110.000 đồng (Một trăm mười ngàn đồng), thu tiền của Huỳnh

Văn H là 100.000 đồng (*Một trăm ngàn đồng*), Đặng Văn L là 61.000 đồng (*Sáu mươi một ngàn đồng*).

+ Đối với số tiền thu trên chiếu bạc là 8.650.000 đồng là tiền do phạm tội mà có, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 41 của Bộ luật hình sự năm 1999 (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) và điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tuyên tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

+ Đối với vật chứng là 15 (*Mười lăm*) bộ bài tây, trong đó có 03 (*Ba*) bộ đã qua sử dụng, 12 (*Mười hai*) bộ chưa sử dụng; 01 (*Một*) hợp kim loại hình tròn có dòng chữ “Danisa” là công cụ dùng vào việc phạm tội, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 41 của Bộ luật hình sự năm 1999 (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tuyên tịch thu, tiêu hủy.

+ Đối với số tiền của bị cáo Trần Văn H (C) 110.000 đồng (*Một trăm mười ngàn đồng*) là tiền dùng vào việc đánh bạc (đánh bài), nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 41 của Bộ luật hình sự năm 1999 (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) và điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tuyên tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

+ Đối với số tiền bị cáo của Huỳnh Văn H là 100.000 đồng (*Một trăm nghìn đồng*), Đặng Văn L là 61.000 đồng (*Sáu mươi một ngàn đồng*), không phải là tiền dùng để đánh bạc, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 41 của Bộ luật hình sự và điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên trả lại cho bị cáo Huỳnh Văn H và bị cáo Đặng Văn L.

- Ý kiến của bị cáo H (Tám H, Tám D): Bị cáo biết hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Ý kiến của bị cáo H (C): Bị cáo biết hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Ý kiến của bị cáo T: Bị cáo biết hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Ý kiến của bị cáo L: Bị cáo biết hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cù Lao Dung, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với những người làm chứng Trần Văn M, Phan Thị C, Phan Thanh N và Huỳnh Minh T vắng mặt tại phiên tòa. Do trước đó những người làm chứng đã có lời khai tại Cơ quan điều tra nên việc vắng mặt của họ tại phiên tòa hôm nay không ảnh hưởng đến việc xét xử, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt những người làm chứng Trần Văn M, Phan Thị C, Phan Thanh N và Huỳnh Minh T.

[3] Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thừa nhận: Vào khoảng 18 giờ 30 phút ngày 21 tháng 9 năm 2017, Huỳnh Văn H (Tám H, Tám D) đến nhà của bà Bùi Thị Ú để trả tiền mua dừa mà H đã mua trước đó, khi H trả tiền xong thì ngồi lại uống rượu cùng với ông Bùi Văn Ú là em trai của bà Bùi Thị Ú. Lúc này, H điện thoại cho Trần Văn H (C) và Đặng Văn L đến nhà bà Ú để lấy tiền công bẻ dừa. Đến khoảng 19 giờ 40 phút, Đặng Văn L đến nhà bà Ú gặp H để nhận tiền. Khi nhận tiền xong thì H lấy bộ bài tây để trên tủ đựng ti vi rủ L đánh bạc (đánh bài) tiến lên vui chơi. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, Trần Văn P chạy xe chở Trần Văn H (C) đến nhà bà Ú và khoảng 05 phút sau thì Lâm Văn T và bà Phan Thị C cũng đến nhà bà Ú. Lúc này, H rủ T, H (C) và L đánh bài tiến lên ăn tiền và tất cả thống nhất và thỏa thuận với nhau là khi đánh bài người nào về nhất thắng 40.000 đồng, về nhì thắng 20.000 đồng và nếu ai tới trắng thì để riêng cho bà Ú 10.000 đồng và khi nghỉ đánh bạc (đánh bài) thì ai thắng được nhiều tiền nhất thì người đó phải cho bà Ú thêm 100.000 đồng. Khi đánh bạc (đánh bài) tiến lên được khoảng 30 phút thì H không đồng ý đánh bạc (đánh bài) tiến lên và chuyển sang đánh bạc (đánh bài) bình xập xám, mỗi tụ ăn hoặc thua 200.000 đồng, nếu ăn 03 tụ thì thắng 600.000 đồng. Bốn người đánh bạc (đánh bài) đều có để tiền xuống chiếu bạc. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, trong lúc đang đánh bạc (đánh bài) thì Công an xã A tiến hành kiểm tra, bắt quả tang thu giữ tiền trên chiếu bạc số tiền là 8.650.000 đồng và 15 bộ bài tây.

[4] Đối với lời khai nhận tội và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, xét thấy lời thừa nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra là phù hợp biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường và các chứng cứ khác mà cơ quan điều tra

đã thu giữ trong hồ sơ vụ án. Mặt khác, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thể hiện là người bình thường đủ năng lực hành vi, năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Các bị cáo là người đã thành niên, nhận thức được việc đánh bạc (đánh bài) ăn thua bằng tiền là vi phạm pháp luật, nhưng các bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi của mình, nên các bị cáo đã phạm vào tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 248 của Bộ luật hình sự năm 1999 (Được sửa đổi, bổ sung năm 2009) như Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật không oan cho các bị cáo. Riêng đối với bị cáo Huỳnh Văn H (Tám H, Tám D) là người trực tiếp rủ rê những người khác tham gia đánh bạc (đánh bài) ăn thua bằng tiền, đối với bị cáo Trần Văn H (C) là người dùng số tiền tham gia đánh bạc nhiều nhất nên bị cáo H và bị cáo C phải chịu trách nhiệm nặng hơn với hành vi phạm tội của mình. Do đó, cần phải xử lý nghiêm đối với các bị cáo nhằm mục đích cải tạo, răn đe và giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội sau này và có tác dụng phòng ngừa tội phạm chung cho toàn xã hội.

[5] Đối với lời trình bày tại phiên tòa của bị cáo Trần Văn H (C) khai là khi tham gia đánh bạc (đánh bài) thì bị cáo lấy từ số tiền 3.000.000 đồng mà bị cáo mang theo ra để đánh bạc (đánh bài), lúc đầu khi chơi đánh bạc (đánh bài) tiến lên thì bị cáo để xuống chiếu bạc từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng để đánh bạc, nhưng sau khi chuyển sang đánh bạc (đánh bài) binh xập xám thì bị cáo để tiền vào trong túi áo của mình, nếu thua thì bị cáo lấy tiền trong túi áo ra chung chi, thắng thì bị cáo lấy tiền bỏ vào trong túi áo, bị cáo không có để tiền dưới chiếu bạc. Hội đồng xét xử thấy rằng tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thừa nhận là những lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra là do bị cáo tự nguyện khai không bị Điều tra viên ép cung dùng nhục hình, bị cáo cũng thừa nhận là bị cáo đã dùng số tiền 3.000.000 đồng mà bị cáo mang theo để đánh bạc (đánh bạc), bị cáo cho rằng bị cáo không để tiền xuống chiếu bạc là không phải tiền dùng để đánh bạc, nhưng bị cáo lại thừa nhận là nếu thắng thì bị cáo lấy tiền bỏ vào túi áo đang mặc trong người, thua thì lấy tiền từ trong túi áo của bị cáo đang mặc trong người ra chung chi, trong quá trình tham gia đánh bạc thì bị cáo thắng được số tiền 900.000 đồng, tất cả tiền thắng, thua đều để chung trong 01 túi áo. Từ những cơ sở đó, Hội đồng xét xử xác định là bị cáo H (C) đã dùng toàn bộ số tiền 3.000.000 đồng mà bị cáo mang theo là nhằm mục đích là để đánh bạc.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo H (Tám H, Tám D) thấy rằng, trước khi lượng hình cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như sau: Bị cáo là người không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bản thân bị cáo trước đây được Nhà nước tặng huy hiệu 30 năm tuổi Đảng. Vì

vậy, căn cứ vào điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo cũng là đúng pháp luật.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo H (C) thấy rằng, trước khi lượng hình cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như sau: Bị cáo là người không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy, căn cứ vào điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo cũng là đúng pháp luật.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo T thấy rằng, trước khi lượng hình cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như sau: Bị cáo là người không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy, căn cứ vào điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo cũng là đúng pháp luật.

[9] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo L thấy rằng, trước khi lượng hình cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như sau: Bị cáo là người không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy, căn cứ vào điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo cũng là đúng pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy bản thân các bị cáo Huỳnh Văn H (Tám H, Tám D), Trần Văn H (C), Lâm Văn T, Đặng Văn L là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ áp dụng hình phạt cải tạo, giáo dục các bị cáo tại địa phương để cho các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật.

[10] Về xử lý vật chứng: Vật chứng của vụ án là: Số tiền thu trên chiếu bạc là 8.650.000 đồng; 15 (*Mười lăm*) bộ bài tây, trong đó có 03 (*Ba*) bộ đã qua sử dụng, 12 (*Mười hai*) bộ chưa sử dụng; 01 (*Một*) hợp kim loại hình tròn có dòng chữ “Danisa”. Thu tiền dùng để đánh bạc còn lại trên người của Trần Văn H 110.000 đồng (*Một trăm mười ngàn đồng*), thu tiền của Huỳnh Văn H 100.000 đồng (*Một trăm ngàn đồng*), Đặng Văn L 61.000 đồng (*Sáu mươi một ngàn đồng*).

+ Đối với số tiền thu trên chiếu bạc là 8.650.000 đồng là tiền do phạm tội mà có, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 41 của Bộ luật hình sự năm 1999 (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) và điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tuyên tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

+ Đối với vật chứng là 15 (*Mười lăm*) bộ bài tây, trong đó có 03 (*Ba*) bộ đã qua sử dụng, 12 (*Mười hai*) bộ chưa sử dụng; 01 (*Một*) hợp kim loại hình tròn có dòng chữ “Danisa” là công cụ dùng vào việc phạm tội không còn giá trị sử dụng, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 41 của Bộ luật hình sự năm 1999 (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tuyên tịch thu, tiêu hủy.

+ Đối với số tiền của bị cáo Trần Văn H 110.000 đồng (*Một trăm mười ngàn đồng*) là tiền dùng vào việc đánh bạc (đánh bài), nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 41 của Bộ luật hình sự năm 1999 (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) và điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tuyên tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

+ Đối với số tiền bị cáo của Huỳnh Văn H 100.000 đồng (*Một trăm ngàn đồng*), Đặng Văn L 61.000 đồng (*Sáu mươi một ngàn đồng*), không phải là tiền dùng để đánh bạc, nên Hội đồng xét xử không tịch thu, nộp Ngân sách Nhà nước và cũng không tuyên trả lại cho bị cáo H và bị cáo L mà phải tuyên tiếp tục quản lý số tiền của bị cáo H và L để đảm bảo cho việc thi hành án.

[11] Về án phí: Các bị cáo Huỳnh Văn H (Tám H, Tám D), Trần Văn H (C), Lâm Văn T và Đặng Văn L là người bị kết án, nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 248, Điều 20, điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 53 và Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999 (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

+ Tuyên bố bị cáo Huỳnh Văn H (Tên gọi khác: Tám H, Tám D) phạm tội “Đánh bạc”.

+ Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn H (Tám H, Tám D) 06 (*Sáu*) tháng tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (*Một*) năm kể từ ngày 11 tháng 4 năm 2018. Đồng thời xử phạt bổ sung đối với bị cáo Huỳnh Văn H (Tên gọi khác: Tám H, Tám D) số tiền là 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

- Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 248, Điều 20, điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 53 và Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999 (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

+ Tuyên bố bị cáo Trần Văn H (C) phạm tội “Đánh bạc”.

+ Xử phạt bị cáo Trần Văn H (C) 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm kể từ ngày 11 tháng 4 năm 2018. Đồng thời xử phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Văn H (Tên gọi khác: C) số tiền là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

- Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 248, Điều 20, điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 53 và Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999 (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

+ Tuyên bố bị cáo Lâm Văn T phạm tội “Đánh bạc”.

+ Xử phạt bị cáo Lâm Văn T 03 (Ba) tháng tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm kể từ ngày 11 tháng 4 năm 2018. Đồng thời xử phạt bổ sung đối với bị cáo Lâm Văn T số tiền là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

- Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 248, Điều 20, điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 53 và Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999 (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

+ Tuyên bố bị cáo Đặng Văn L phạm tội “Đánh bạc”.

+ Xử phạt bị cáo Đặng Văn L 03 (Ba) tháng tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm kể từ ngày 11 tháng 4 năm 2018. Đồng thời xử phạt bổ sung đối với bị cáo Đặng Văn L số tiền là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Giao bị cáo Huỳnh Văn H (Tám H, Tám D) cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh T để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Giao các bị cáo Đặng Văn L, Lâm Văn T, Trần Văn H (C) cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh S để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

- Về xử lý vật chứng:

+ Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 41 của Bộ luật hình sự năm 1999 (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) và điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tuyên tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước số tiền thu trên

chiều bạc là 8.650.000 đồng (*Tám triệu, sáu trăm năm mươi ngàn đồng*) theo Quyết định chuyển vật chứng số: 30/QĐ-VKS ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

+ Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 41 của Bộ luật hình sự năm 1999 (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tuyên tịch thu, tiêu hủy 15 (*Mười lăm*) bộ bài tây, trong đó có 03 (*Ba*) bộ đã qua sử dụng, 12 (*Mười hai*) bộ chưa sử dụng; 01 (*Một*) hợp kim loại hình tròn có dòng chữ “Danisa” theo Quyết định chuyển vật chứng số: 30/QĐ – VKS ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

+ Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 41 của Bộ luật hình sự năm 1999 (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) và điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tuyên tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước số tiền của bị cáo Trần Văn H (C) dùng để đánh bạc là 110.000 đồng (*Một trăm mười ngàn đồng*) theo Quyết định chuyển vật chứng số: 30/QĐ – VKS ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

+ Căn cứ vào khoản 2 Điều 41 của Bộ luật hình sự năm 1999 (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) và điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tiếp tục quản lý các số tiền sau đây để đảm bảo Thi hành án:

Quản lý số tiền 100.000 đồng (*Một trăm ngàn đồng*) của bị cáo Huỳnh Văn H (Tên gọi khác: Tám H, Tám D) để đảm bảo Thi hành án.

Quản lý số tiền 61.000 đồng (*Sáu mươi một ngàn đồng*) của bị cáo Đặng Văn L để đảm bảo Thi hành án.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử buộc các bị cáo Huỳnh Văn H (Tám H, Tám D), Trần Văn H (C), Lâm Văn T, Đặng Văn L, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

- Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong

thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- CAND huyện Cù Lao Dung;
- Cơ quan THAHS huyện Cù Lao Dung;
- Bị cáo;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Mỹ Xuyên